TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 17/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Kim Niệm;
Ông Nguyễn Minh Quân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-DS ngày 21/01/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-DS ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T; địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24C A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Nh; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty T.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thiên Th; chức vụ: Giám đốc kiểm tra chất lượng Công ty T (Văn bản ủy quyền ngày 01/01/2018)

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thiên Th: Ông Trần Duy H – Chức vụ: Chuyên viên pháp lý tố tụng Công ty T (Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 639, tổ 1, ấp B, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Duy H trình bày:

Ngày 30/7/2015, bà Phạm Thị T đã ký Thỏa thuận tín dụng số SV002305904 với Công ty T để vay mua trả góp xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HD72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959, biển kiểm soát số 61C1 – 168.66 với số tiền vay là 499.000.000đ (bốn trăm chín mươi chín triệu đồng), lãi suất theo dư nợ giảm dần hàng tháng là 1,83%/tháng, mục đích vay mua sắm phương tiện giao thông. Theo thỏa thuận, vào ngày 20 hàng tháng, bà T phải thanh toán cho Công ty T

số tiền 19.057.036đ (mười chín triệu không trăm năm mươi bảy ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) liên tục trong 35 kỳ trả góp, kỳ thứ 36 thanh toán 11.435.836đ (mười một triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng), bắt đầu từ kỳ 1 vào ngày 20/8/2015. Đồng thời, để đảm bảo cho các nghĩa vụ theo Thỏa thuận tín dụng số SV002305904, bà T đã ký hợp đồng thế chấp với Công ty T là xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HD72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959, biển kiểm soát số 61C1 – 168.66. Tính đến ngày khởi kiện (10/01/2019), bà T đã thanh toán cho Công ty T số tiền 510.218.099 đồng. Trong quá trình khởi kiện bà T có thanh toán cho Công ty T 03 lần, cụ thể: Ngày 21/01/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 11/02/2019 thanh toán 20.000.000 đồng và ngày 19/02/2019 thanh toán 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 17/4/2019, bà T đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 550.218.099đ (năm trăm năm mươi triệu hai trăm mười tám ngàn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc đã thanh toán 347.609.550đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm năm mươi đồng), tiền lãi trong hạn đã thanh toán 179.432.096đ (một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm chín mươi sáu đồng), tiền lãi quá hạn đã thanh toán 23.176.453đ (hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng).

Ngày 10/01/2019, Công ty T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T trả số tiền 191.390.405đ (một trăm chín mươi mốt triệu ba trăm chín mươi ngàn bốn trăm lẻ năm đồng). Trong đó bao gồm: Tiền gốc chưa thanh toán 183.032.238đ (một trăm tám mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng), tiền lãi chưa thanh toán 8.358.167đ (tám triệu ba trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng). Sau khi trừ đi khoản tiền bà T đã thanh toán trong quá trình tố tụng, đồng thời Công ty T tự nguyện miễn giảm cho bà T số tiền 8.358.167đ (tám triệu ba trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) xác định số tiền gốc bà T còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T là 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

Nay, nguyên đơn Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải thanh toán một lần số nợ gốc cho cho nguyên đơn là 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng), nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tính lãi suất với bị đơn. Trường hợp, bị đơn bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn Công ty T có quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HĐ72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959, biển kiểm soát số 61C1 – 168.66 theo "Hợp đồng thế chấp của thỏa thuận tín dụng" số SV002305904 ngày 30/7/2015 để thanh toán cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập lên làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải thanh toán số nợ

gốc cho nguyên đơn là 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng), ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất với bị đơn. Trường hợp, bị đơn bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì phát mãi tài sản thế chấp là xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HĐ72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959, biển kiểm soát số 61C1 – 168.66 theo "Hợp đồng thế chấp của thỏa thuận tín dụng" số SV002305904 ngày 30/7/2015 để thanh toán cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện trú tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Xét giao dịch vay tiền thông qua Thỏa thuận tín dụng số SV002305904 giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào ngày 30/7/2015. Theo thỏa thuận, vào ngày 20 hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 19.057.036đ (mười chín triệu không trăm năm mươi bảy ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) liên tục trong 35 kỳ trả góp, kỳ thứ 36 thanh toán 11.435.836đ (mười một triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng) vào ngày 20/7/2018. Tuy nhiên, bị đơn vi phạm cam kết trả nợ hàng tháng theo như nội dung trong Thỏa thuận tín dụng số SV002305904. Ngày 10/01/2019, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật Dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng) thông qua Thỏa thuận tín dụng số SV002305904 ngày 30/7/2015. Xét thấy quá trình làm việc và tại phiên tòa bị đơn không đến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét được ý kiến của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Dựa vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp tín dụng tiêu dùng ngày 30/7/2015 của người vay là bà Phạm Thị T; Thỏa thuận tín dụng số SV002305904 ngày 30/7/2015; Hợp đồng thế chấp của thỏa thuận tín dụng số SV002305904 ngày 30/7/2015; Bảng chi tiết thanh toán ngày 06/5/2019… có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh hợp đồng vay tài sản và bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 499.000.000đ (bốn trăm chín mươi chín triệu đồng), lãi suất theo dư nợ giảm dần hàng tháng là 1,83%/tháng. Ngày 20 hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 19.057.036đ (mười chín triệu không trăm năm

mươi bảy ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) liên tục trong 35 kỳ trả góp, kỳ thứ 36 thanh toán 11.435.836đ (mười một triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng), bắt đầu từ kỳ 1 vào ngày 20/8/2015 và kết thúc kỳ 36 vào ngày 20/7/2018. Để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán theo Thỏa thuận tín dụng số SV002305904, bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp với nguyên đơn là xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HD72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959 mà bị đơn đang quản lý, sử dụng. Từ thời điểm vay tiền đến nay thì bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 550.218.099đ (năm trăm năm mươi triệu hai trăm mười tám ngàn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc đã thanh toán 347.609.550đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm năm mươi đồng), tiền lãi trong hạn đã thanh toán 179.432.096đ (một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm chín mươi sáu đồng), tiền lãi quá hạn đã thanh toán 23.176.453đ (hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng) cùng với việc nguyên đơn tự nguyện giảm một phần tiền nợ gốc, nợ lãi thì hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

[2] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc của Thỏa thuận tín dụng số SV002305904 ngày 30/7/2015 là 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng), ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất với bị đơn.

[3] Trường hợp, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp là xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HD72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959 theo "Hợp đồng thế chấp của thỏa thuận tín dụng" số SV002305904 được ký kết ngày 30/7/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn để thu hồi nợ.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 147, 185, 186, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 149, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn bà Phạm Thị T về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T số tiền 143.032.238đ (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất với bị đơn.

Trường hợp, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp là xe tải nhãn hiệu HYUNDAI HD72, số khung D4DBFJ599217, số máy RPPGB17BPFD002959 theo "Hợp đồng thế chấp của thỏa thuận tín dụng" số SV002305904 được ký kết ngày 30/7/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn để thu hồi nợ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị T chậm trả số tiền nêu trên thì bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất tại Thỏa thuận tín dụng số SV002305904 ngày 30/7/2015 được ký kết giữa Công ty T với bà Phạm Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải nộp số tiền 7.152.000đ (bảy triệu một trăm năm mươi hai ngàn đồng).

- Trả cho nguyên đơn Công ty T số tiền 4.785.000đ (bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026024 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Ân